

Số: 57/2026/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 23 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 109/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ: Bản P, xã T, tỉnh Điện Biên.

Căn cước số: 011195000565; ngày, tháng, năm cấp: 11/4/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn K, sinh năm 1994; địa chỉ: Bản L, xã S, tỉnh Điện Biên.

Căn cước công dân số: 011094000508; ngày, tháng, năm cấp: 11/4/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn K thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Lò Thị T1, sinh ngày 24/10/2012 và Lò Thị Ngọc T2, sinh ngày 09/5/2018 cho anh Lò Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Lò Thị Ngọc T2 cùng anh Lò Văn K, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/01 tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 4 năm 2026 đến khi cháu Lò Thị Ngọc T2 thành niên và có khả năng lao động.

Chị Lò Thị T, anh Lò Văn K thống nhất không yêu cầu tính lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền chị Lò Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Lò Thị Ngọc T2.

Sau khi ly hôn, anh Lò Văn K có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Chị Lò Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Chị Lò Thị T và anh Lò Văn K có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lò Thị T, anh Lò Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn K là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn nộp án phí Tòa án nên miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị T, anh Lò Văn K; chị Lò Thị T được miễn án phí cấp dưỡng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Sáng Nhè;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Giàng A Tằng